

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2026

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoà Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2026/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/01/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Xuân T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Xuân T trình bày:

Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, vợ chồng ông bà chung sống với nhau từ năm 2023 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau theo bà T, vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có được tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Nguyên vọng của bà T là yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống vợ chồng ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 14/7/2024. Nguyên vọng của bà T là được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 14/7/2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà T có quan hệ tình cảm, chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng thì ông V đồng ý.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 14/7/2024. Ông V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân T. Về hôn nhân: Tuyên không công nhận bà Võ Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn V là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 14/7/2024 cho bà Võ Thị Xuân T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn cư trú tại xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2023, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông V. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống vợ chồng ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 14/7/2024. Bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được ưu tiên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ. Mặt khác, theo biên bản xác minh tại thôn P, xã K và lời khai của bà Ngô Thị L là mẹ của ông Nguyễn Văn V thì hiện nay ông V thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi ở nhà nên việc chăm sóc cháu Nghi hiện nay do bà L chăm sóc. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 14/7/2024, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm b mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Xuân T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 14/7/2024 cho bà Võ Thị Xuân T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Xuân T phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000074 ngày 06/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã K;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Huyền Trang